**LÍ LỊCH KHOA HỌC**

***(Dùng cho cán bộ tham gia đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội)***

I. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hoa Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 30/03/1963 Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Hà Nội Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: TS. Năm, nước nhận học vị: 2001

Chức danh khoa học cao nhất: PGS. Năm bổ nhiệm: 2010

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên / Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển CTXH, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Xã hội học, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: R5A, 1109, Royal City

Điện thoại liên hệ: CQ: (04) - 35581827 NR: DĐ: 0913 507729

Fax: Email: [kimhoaxhh@yahoo.com](mailto:kimhoaxhh@yahoo.com)

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Đại học:**

Hệ đào tạo: Đại học

Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

Ngành học: Tiếng Nga

Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 1985

Bằng đại học 2: Xã Hội học - Trường Đại học Tổng Hợp Hà Nội (Nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ) Năm tốt nghiệp: 1990

1. **Sau đại học**

* Thạc sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 1995

Nơi đào tạo: Trường Đại học Tổng Hợp Hà Nội (Nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn )

* Tiến sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 2001

Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội

* Tên luận án: “ *Vị thế vai trò của phụ nữ nông thôn trong gia đình đồng bằng Bắc Bộ* (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Nam Định)”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Ngoại ngữ:** | 1. Tiếng Nga  2. Tiếng Anh | Mức độ sử dụng: Thành thạo  Mức độ sử dụng: Thành thạo |

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi công tác** | **Công việc đảm nhiệm** |
| 1985 – 1988 | Trung tâm thông tin thư viện, trường ĐH Tổng hợp Hà Nội | Cán bộ nghiên cứu |
| 1988 – 1992 | Cán bộ Đoàn trường, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội | Cán bộ Đoàn chuyên trách |
| 1992 – 2001 | Cán bộ giảng dạy Khoa Xã hội học, trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN | Giảng viên |
| 2001 – 03/2008 | Khoa Xã hội học, trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN | Phó chủ nhiệm khoa |
| 04/2008 – 12/2016 | Khoa Xã hội học, trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN | Chủ nhiệm Khoa |
| 03/2016 đến nay | Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển CTXH, Khoa Xã hội học, trường ĐHKHXH&NV | Giám đốc Trung tâm |

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề tài nghiên cứu** | **Năm bắt đầu/Năm hoàn thành** | **Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)** | **Trách nhiệm tham gia trong đề tài** |
| 1 | ĐT: Điều tra đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | 8/1995-6/1998 | MT 03  Cấp Bộ | Tham gia |
| 2 | ĐT: Nhận thức và thái độ của các vị chức sắc công giáo đối với công tác DS- KHHGĐ | 1995-1997 | Cấp Bộ | Tham gia |
| 3 | ĐT: Vị trí, vai trò của phụ nữ nông thôn trong chức năng giáo dục con cái | 1997-1998 | Cấp Trường | Chủ nhiệm |
| 4 | ĐT: Định hướng giá trị của sinh viên là con em cán bộ khoa học | 1998-2000 | Cấp ĐHQG | Tham gia |
| 5 | ĐT: Thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước, hỗ trợ sinh viên trong sinh hoạt cư trú trên địa bàn quận Thanh Xuân | 2000-2001 | Cấp Thành phố | Tham gia |
| 6 | ĐT: Nghiên cứu vị trí, vai trò của gia đình và cộng đồng trong sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em | 1/1998-12/2000 | Cấp Uỷ ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em | Tham gia |
| 7 | ĐT: Nhánh 1 “Chất lượng dân số với các dịch vụ xã hội cơ bản ở nông thôn” thuộc đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến chất lượng dân số và đề xuất những chính sách phù hợp về DS và phát triển bền vững” | 1999-2001 | Cấp Nhà nước | Tham gia |
| 8 | ĐT: Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa địa phương đến việc tiếp nhận thông tin - giáo dục - truyền thông về sức khoẻ sinh sản của đồng bào dân tộc ít người ở Tây Nguyên | 2000-2001 | Cấp Bộ | Tham gia |
| 9 | Dự án Giao thông nông thôn và tín dụng nông thôn (Khảo sát tại Lào Cai, Thái Nguyên, Đắc Lắc) |  | Ngân hàng Thế giới | Tham gia |
| 10 | Dự án hỗ trợ y tế Quốc gia- Bộ y tế (Khảo sát tại Sơn La, Quảng trị, Phú Yên, Sóc Trăng) | 2003 | Ngân hàng Thế giới | Tham gia |
| 11 | Dự án: Điều tra kinh tế - xã hội các hộ bị ảnh hưởng thuộc dự án khai khoáng Núi pháo, huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên | 2004 | Ngân hàng Thế giới | Tham gia |
| 12 | ĐT: Kiến tạo chỉ số để đánh giá nhanh chất lượng dân số cộng đồng nông thôn Việt Nam | 2001-2004 | Cấp Đại học Quốc gia | Tham gia |
| 13 | CT: Chương trình cấp nước và vệ sinh cho các thị trấn Việt Nam: Dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải phòng, giai đoạn I (2004-2010) (JICA Nhật Bản) | 2004-2006 | Cấp Nhà nước | Tham gia |
| 14 | ĐT: nhánh 1 “Nghiên cứu một số yếu tố kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến chất lượng dân số và đề xuất chính sách giải pháp phù hợp” thuộc đề tài độc lập cấp nhà nước “Nghiên cứu một số yếu tố sinh học, kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến chất lượng dân số và đề xuất chính sách giải pháp phù hợp” | 2003-2005 | Cấp Nhà nước ĐTĐL-2003/15 | Tham gia |
| 15 | ĐT: Nghiên cứu chất lượng dân số đô thị Thành phố Hà Nội | 2005-2007 | QX 06-08, Cấp Đại học Quốc gia | Chủ nhiệm |
| 16 | ĐT nhánh 6: “Thực trạng và các nhân tố tác động đến phẩm chất nhân cách người Hà Nội hiện nay” thuộc đề tài cấp nhà nước “ Những phẩm chất nhân cách đặc trưng của người Thăng Long Hà Nội trong quá trình xây dựng và bảo vệ thủ đô” | 2004-2007 | KX. 09.11  Cấp Nhà nước | Tham gia |
| 17 | Thực trạng và nhận thức của trẻ em và cộng đồng về tai nạn thương tích trẻ em tại vùng dự án Plan, nghiên cứu tại 3 xã Tiên Lục, Tân Thanh, Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang | 2006 | UB DS Gia đình trẻ em | Tham gia |
| 18 | Dự án Cấp nước và vệ sinh nông thôn ĐBSH Việt Nam (RRDRWSS) tại Nam Định | 2006-2011 | Hiệp hội phát triển Quốc tế (IDA), Ngân hàng thế giới | Tham gia |
| 19 | Chủ trì Dự án “Khảo sát KT-XH thuộc dự án nâng cấp Đô thị Thành phố Nam Định giai đoạn II | 2007 | Ngân hàng thế giới | Tham gia |
| 20 | ĐT nhánh 5: “Những giá trị truyền thống và hiện đại có tác động tích cực đến quá trình xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam” thuộc đề tài độc lập cấp nhà nước “Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam” | 2007-2009 | ĐTĐL cấp nhà nước  QĐ01/2007-HĐ-ĐTĐL ngày 1/8/2007 | Tham gia |
| 21 | ĐT: “Khảo sát, đánh giá nhu cầu dịch vụ hỗ trợ người cao tuổi”. | 1/2009-12/2009 | Tổng cục dân số | Tham gia |
| 22 | ĐT: Đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hoá khu vực đồng bằng Sông hồng thời kỳ hội nhập, đẩy mạnh Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước | 3/2009-3/2010 | QĐ 1558/ QĐ-BVHTTDL  Cấp Bộ | Chủ nhiệm |
| 23 | Phân tích và đánh giá việc thực hiện bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới kể cả phòng chống bạo lực gia đình trong chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005- 2010 | 5/2009-3/2010 | Bộ VHTTDL và Quỹ dân số Liên hiệp quốc | Tham gia |
| 24 | Nâng cao năng lực cho các cán bộ công tác xã hội tương lai bằng phương pháp thực hành tại hiện trường | 1/2010-1/2011 | Quỹ Châu Á | Tham gia |
| 25 | Các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của nữ cán bộ trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại ĐHQGHN | 2009-4/2011 | Đại học Quốc Gia | Chủ nhiệm |
| 26 | Giáo dục hoà nhập cho trẻ Khuyết tật Huyện Thường Tín | 2010-1/2011 | Quỹ Niu Di Lân | Tham gia |
| 27 | Rà soát, đề xuất lồng ghép các chỉ số về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình trong biểu mẫu báo cáo của ngành VH, TT và DL | 4/2011-8/2011 | Bộ VH, TT&DL và Quỹ Dân số LHQ | Tham gia |
| 28 | Truyền thông kiến thức v g ề thủ tục theo cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” Chương trình sáng kiến phòng chống tham nhũng Việt Nam 2011 | 8/2011 -8/2012 | Ngân hàng thế giới | Tham gia |
| 29 | Đánh giá, xây dựng mô hình can thiệp để nâng cao chất lượng dân số một số dân tộc ít người có số dân dưới 10.000 người (Nghiên cứu taị Tuyên Quang, Sơn La…) | 9/2011 | Tổng cục Dân số | Tham gia |
| 30 | Nâng cao năng lực cho sinh viên khuyết tật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua đào tạo kỹ năng mềm | 6/2011 – 6/2012 | Ngân hàng thế giới | Tham gia |
| 31 | Đánh giá đề án “Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh” | 8/2010-12/2010 | Tổng cục DS và Quỹ DS LHQ | Tham gia |
| 32 | Khảo sát, đánh giá nhận thức và hành vi của thanh niên, vị thành niên Hà Nội về các chính sách DS-KHHGĐ/ CSSKSS | 7/2010-2/2011 | Chi Cục dân số | Tham gia |
| 33 | Đánh giá mô hình điểm “Gia đình đồng bào phật tử tham gia khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại Hưng Yên và gia đình đồng bào công giáo tham gia khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại Thái Bình” | 8/2010-12/2010 | Mặt trận Tổ quôc và Quỹ dân số Liên hiệp quốc | Tham gia |
| 34 | Khảo sát, đánh giá nhu cầu dịch vụ hỗ trợ người cao tuổi | 1/2009-12/2009 | Tổng cục Dân số | Tham gia |
| 35 | Khảo sát, đánh giá công tác truyền thông giáo dục về DS/SKSS/KHHGĐ đặc thù vùng biển, đảo và ven biển. tại tỉnh Thừa thiên Huế | 12/2010 | Tổng cục Dân số | Tham gia |
| 36 | Thành viên đề tài: “Vấn đề gia đình trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong thời kỳ đổi mới” | 2008-2010 | Cấp nhà nước  (KX.02.24/06-10) | Tham gia |
| 37 | “Nghiên cứu các yếu tố tác động đến khả năng thăng tiến của phụ nữ trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể ở tỉnh Tuyên Quang” | 3-12/2012 | Dự án Bộ Ngoại giao – Anh | Tham gia |
| 38 | Đề tài khảo sát đánh giá “Những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt nam giai đoạn 2009-2011” | 2012 | Tổng cục dân số | Tham gia |
| 39 | “Thực trạng hiểu biết và những nguồn tiếp cận chủ yếu về Luật bình đẳng giới của phụ nữ dân tộc thiểu số Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang” | 2012-2013 | JIFF | Tham gia |
| 40 | Đánh giá phúc lợi xã hội: Các mô hình phân phối lại Scandinavian và Đông Á trong bối cảnh toàn cầu (Social Welfare Assessments: East Asian and Scandinavian Redistribution Models in a Global Context) | 2012-2015 | Đại học Lund Thụy Điển | Tham gia |
| 41 | Nhận thức, thái độ và hành vi xả rác của người dân đô thị Hà Nội, xây dựng giải pháp dựa trên kinh nghiệm thành phố San Jose, California, Mỹ | 5/2012-5/2014 | Quỹ phát triển khoa học công nghệ | Chủ nhiệm |
| 42 | Yêu cầu của nhà tuyển dụng về những kỹ năng cơ bản đối với sinh viên tốt nghiệp đại học các ngành khoa học xã hội và nhân văn | 2013-2015 | ĐHQG Hà Nội  (Đề tài nhóm A) | Chủ nhiệm |
| 43 | Vai trò của vốn xã hội trong phát triển nguồn nhân lực trẻ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | 2013-2015 | BộKH&CN  Mã số KX.03.09/11-15 | Tham gia |
| 44 | Định hướng hoàn thiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội ở nước ta trong điều kiện mới | 2012-2015 | BộKH&CN  Mã số KX.04-17/11-15 | Tham gia |
| 45 | Vai trò của trung tâm bảo trợ trong đảm bảo phúc lợi xã hội cho người già tại VN: Rà soát việc thực hành và triển vọng đề xuất chính sách | 2014-2015 | Quỹ TOYOTA | Chủ nhiệm |
| 46 | *Tác động của biến đổi xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay* | 2018-2020 | Đề tài cấp nhà nước, CTDT.33.18/16-20) | Chủ nhiệm |
| 47 | Thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay | 2018-  2020 | ĐT cấp nhà nước, KX.01.36/16-20) | Tham gia |
| 48 | Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp gia tăng đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện trong khu vực phi chính thức tại thành phố Hà Nội hiện nay | 2018-  2020 | Đề tài ĐHQG, Mã số QG 18.43 | Chủ nhiệm |
| 49 | Chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện qua ý kiến đánh giá của người lao động tại Hà Nội | 2019 | Đề tài Liên hiệp các hội KH và KT VN | Chủ nhiệm |
| 50 | Đánh giá đào tạo thực hành CTXH tại các Trường ĐH hiện nay | 2019 | Cục Bảo trợ XH | Chủ nhiệm |
| 51 | Vai trò của người cao tuổi trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập | 2018-2020 | Đề tài cấp nhà nước, Mã số ĐTĐL: XH-10/18 | Tham gia |
| 52 | Ứng xử của người Việt Nam hiện nay trong các không gian công cộng (Thành viên chính đề tài cấp nhà nước) | 2018-  2020 | ĐT cấp nhà nước, KX.01/16-20) | Tham gia |

1. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | | **Năm công bố** | **Tên tạp chí** | **Tác giả chính/đồng tác giả** | **Tạp chí danh mục ISI/Scopus/khác** | |
| ***Sách*** | | | | | | | |
| 1 | Gia đình và cộng đồng với sư nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em | | 2001 | Trường ĐHKHXH&NV | Đồng tác giả |  | |
| 2 | Chân dung một thế kỷ: Đại học Quốc gia Hà Nội | | 2006 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. | Đồng tác giả |  | |
| 3 | Gia đình trong tấm gương Xã hội học | | 2004 | NXB Khoa học Xã hội | Đồng tác giả |  | |
| 4 | Những nghiên cứu chọn lọc về Xã hội học nông thôn | | 2004 | NXB Khoa học Xã hội | Đồng tác giả |  | |
| 5 | Gia đình Việt Nam: Quan hệ, Quyền lực và xu hướng biến đổi | | 2006 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội | Đồng tác giả |  | |
| 6 | Công tác xã hội ở miền Trung Viêt Nam | | 2007 | NXB Thuận Hóa | Đồng tác giả |  | |
| 7 | Những phẩm chất nhân cách đặc trưng của người Thăng Long- Hà Nội | | 2010 | NXB. Hà Nội | Đồng tác giả |  | |
| 8 | Đổi mới Văn hóa Lãnh đạo, Quản lý – Lý luận và Thực tiễn | | 2010 | NXB Lao động | Đồng tác giả |  | |
| 9 | Những vấn đề xã hội học trong sự biến đổi xã hội | | 2011 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. | Đồng tác giả | ISBN 978-604-62-0594-4 | |
| 10 | Hệ thống văn bản và tài liệu kỹ thuật hướng dẫn bảo vệ môi trường trong các cơ sở bảo trợ xã hội (Sách chuyên khảo của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội) | | 2011 | NXB Thông tin và Truyền thông | Đồng tác giả |  | |
| 11 | Hướng dẫn triển khai đề án trợ giúp XH và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng (Sách chuyên khảo của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội) | | 2011 | NXB Thông tin và Truyền thông | Đồng tác giả |  | |
| 12 | Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội | | 2012 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội | Chủ biên |  | |
| 13 | Tài liệu Công tác xã hội trợ giúp người cao tuổi (Tài liệu biên soạn với sự hỗ trợ của Đề án 32) | | 2013 | NXB Lao động -Xã hội | Chủ biên |  | |
| 14 | Tài liệu Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy (Tài liệu tập huấn cho cán bộ cơ sở) | | 2013 | NXB Lao động – Xã hội | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-65-0890-8 | |
| 15 | Giáo trình trung cấp nghề CTXH: Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình | | 2013 | NXB Lao động – Xã hội | Chủ biên |  | |
| 16 | Giáo trình Cao đẳng nghề: CTXH trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình (Giáo trình biên soạn với sự hỗ trợ của Đề án 32) | | 2013 | NXB Lao động – Xã hội | Chủ biên | ISBN: 978-604-65-1071-0 | |
| 17 | Multicultural Studies | | 2013 | Xuất bản tại Hàn Quốc | Đồng tác giả | ISSN 2287-3287 | |
| 18 | Công tác xã hội với người khuyết tật | | 2014 | NXB Đại học Quốc gia | Chủ biên | ISBN: 978-604-939-844-5 | |
| 19 | Giáo trình Công tác xã hội đại cương | | 2015 | NXB Đại học Quốc gia | Đồng chủ biên | ISBN:978-604-62-1985-9 | |
| 20 | An sinh xã hội và công tác xã hội | | 2015 | NXB Hồng Đức | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-86-6161-8 | |
| 21 | Vốn xã hôi trong phát triển nguồn nhân lực trẻ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | | 2015 | NXB Đại học Quốc gia | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-62-3939-7 | |
| 22 | Vốn xã hội trong phát triển nguồn nhân lực trẻ từ những hướng tiếp cận khác nhau | | 2015 | NXB Đại học Quốc gia | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-62-3929-1 | |
| 23 | Biến đổi XH ở Việt Nam | | 2016 | NXB KHXH | Đồng tác giả | ISBN:  978-604-944-909-3 | |
| 24 | Những vấn đề xã hội học trong quá trình đổi mới | | 2016 | NXB Đại học Quốc gia | Đồng tác giả | ISBN:  978-604-62-6205-1 | |
| 25 | Giáo trình Xã hội học đại cương | | 2016 | NXB Đại học Quốc gia | Đồng tác giả | ISBN:  978-604-62-6205-1 | |
| 26 | Tác động của biến đổi xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay (Sách chuyên khảo) | | 2021 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Tháng 3/2021 | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-324-088-7 | |
| 27 | Tác động của phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay (Sách chuyên khảo) | | 2021 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Tháng 3/2021 | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-324-088-8 | |
| 28 | Cẩm nang về các dấu hiệu nhận biết trẻ rối loạn phổ tự kỷ: Cách can thiệp sớm cho cha mẹ và giáo viên | | 2021 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Tháng 10/2021 | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-342-672-4 | |
| 29 | Cẩm nang tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý đối với trẻ tự kỷ | | 2021 | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Tháng 10/2021 | Đồng chủ biên | ISBN:  978-604-342-673-1 | |
| Bài báo | | | | | | | |
| 30 | Biểu hiện tệ nạn xã hội trong sinh viên và các biện pháp phòng ngừa | | 1995 | Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, tập 20, số 2, tr43-58. | Tác giả |  | |
| 31 | Tác động của quá trình đô thị hóa đến kinh tế hộ gia đình nông thôn | | 2000 | Tạp chí Xã hội học, số 1, tr55-61 | Tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 32 | Người phụ nữ và gia đình nông thôn với việc giáo dục tri thức và định hướng nghề nghiệp cho con | | 2000 | Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, tập 40, số 2, tr45-52. | Tác giả |  | |
| 33 | Quan điểm của sinh viên về quan hệ tình dục trước hôn nhân | | 2007 | Tạp chí  Gia đình và Giới quyển 17, số 3, tr70-80 | Đồng tác giả | ISSN 1859-1361 | |
| 34 | Tác động của đô thị hóa tới cơ cấu lao động việc làm của các hộ gia đình ven đô (nghiên cứu xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội) | | 2008 | Tạp chí Xã hội học, số 2, tr 39-46 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 35 | Mấy vấn đề về thực trạng xây dựng gia đình văn hoá tại đồng bằng sông Hồng | | 2009 | Tạp chí nghiên cứu con người, số 6, tr 27-34 | Đồng tác giả | ISSN 0328-1557 | |
| 36 | Nhận thức và nhu cầu chăm sóc sức khoẻ sinh sản phụ nữ tuổi mãn kinh hiện nay | | 2009 | Tạp chí xã hội học, tập 107 số 3, tr46-53 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 37 | Hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần cho người cao tuổi | | 2010 | Tạp chí Người cao tuổi, tập 21, số 6, tr. 28-32 | Tác giả | ISSN 1859-2597 | |
| 38 | Vài nét về thu nhập và mức sống người cao tuổi thế giới | | 2010 | Tạp chí nghiên cứu Châu Âu, số 6/2010, tr. 32-41 | Tác giả | ISSN 0868-3581 | |
| 39 | Phương pháp phỏng vấn sâu: kinh nghiệm thực tiễn từ một số nghiên cứu KHXH | | 2010 | Tạp chí nghiên cứu con người, số 4/2010, tr/ 58-66 | Đồng tác giả | ISSN 0328-1557 | |
| 40 | “Quan niệm về vai trò của nữ giới trong cộng đồng khoa học ở Việt Nam: Những định kiến chưa được nhìn nhận” | | 2011 | Tạp chí Xã hội học, tập 115, số 3, tr. 75-82 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 41 | “Đánh giá chất lượng dân số 5 dân tộc thiểu số bằng cách tính chỉ số PQI” | | 2012 | Tạp chí Xã hội học | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 42 | Nhận thức, thái độ, hành vi xả rác của người dân đô thị thành phố Hà Nội: thực trạng và giải pháp | | 2014 | Tạp chí Xã hội học, số 4, 2014, tr. 41- 51 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 43 | Thực trạng sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của nguời dân | | 2015 | Tạp chí Xã hội học, số 2, 2015, tr. 75-84 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 44 | Đặc điểm của nguồn nhân lực trẻ trong các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp Nhà nước (Qua một cuộc khảo sát) | | 2015 | Tạp chí nghiên cứu con người, số 4 (79) 2015, tr/ 19-27 | Đồng tác giả | ISSN 0328-1557 | |
| 45 | Vốn xã hội trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ | | 2015 | Tạp chí nghiên cứu con người, số 5(80) 2015, tr/ 29-38 | Đồng tác giả | ISSN 0328-1557 | |
| 46 | Một số trở ngại trong thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân | | 2016 | Tạp chí Xã hội học, số 3, 2016, tr. 36-45 | Đồng tác giả | ISSN 0866-7659 | |
| 47 | Tác động của mạng xã hội Facebook đối với sinh viên hiện nay | | 2016 | Tạp chí khoa học : Nghiên cứu chính sách và quản lý, số 2 | Đồng tác giả | ISSN 0866-8612 | |
| 48 | Thực trạng người lao động tham gia BHXH tự nguyện (Qua nghiên cứu tại Quận Tây Hồ và Huyện Đông Anh, Hà Nội) | | 2018 | Tạp chí Xã hội học, số 3(143), 2018 | Đồng tác giả | ISSN 2615-9163 | |
| 49 | Giải pháp quản lý xung đột xã hội liên quan đến đất đai ở một số tỉnh Tây Bắc (Solution of management of land – related social conflictin some Northwestern Provinces), Volume 9, Issue 3 | | 2020 | Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc | Đồng tác giả | Số 9, năm 2020 | |
| 50 | Phân tầng xã hội về kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số | | 2020 | Tạp chí Nghiên cứu con người  Số 5 (110) 2020 | Đồng tác giả | ISSN 0328-1557  5(110) 2020 | |
| 51 | Thực hiện quyền an sinh xã hội về khám chữa bệnh cho người dân thông qua hoạt động công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay | | 2020 | Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển thuộc Trường Đại học Y tế công cộng | Đồng tác giả | ISSN 2588-1442, Tập/Vol.04  Số 01.2020 | |
| 52 | Biến đổi cơ cấu kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số | | 2020 | Tạp chí Xã hội học, số 4, 2020 | Đồng tác giả | ISSN 2615-9163 | |
| 53 | Thực hiện quyền an sinh xã hội về nhập học, bảo lưu và miễn giảm học phí cho người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp | | 2021 | Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam  Tập 63, số 4, tháng 4 năm 2021 | Đồng tác giả | ISSN 1859-4794 | |
| 54 | Thực hiện quyền an sinh xã hội về chăm sóc sức khỏe cho người dân thông qua hoạt động công tác xã hội | | 2021 | Tạp chí Nghiên cứu con người  Số 5 (116) 2021 | Mai Linh, Nguyễn Trung Hải,  Nguyễn Thị Kim Hoa | ISSN 0328-1557  5(116) 2021 | |
| 55 | Multicultural Education: An Indispensable Trend of Current Multicultural Society | | 2013 | Multicultural Studies, 6.2013, Pg 21-51 | Đồng tác giả | ISSN 2287 -3287 | |
| 56 | Innovating littering prevention model in Hanoi: The reality and lessons from the example of San Jose City, USA. | | 2014 | International Journal of Research in Earth and Environmental Sciences, No.4, pg10-17 | Đồng tác giả | ISSN 2311-2484 | |
| 57 | Individual’s Waste Disposal Practice in Urbanizing Cities: The Case of Hanoi City, Vietnam | | 2016 | European Journal of Social Sciences Vol.52 No 2 June, 2016, pp. 204 -215  http://www.europeanjournalofsocialsciences.com/ | Đồng tác giả | ISSN 1450-2267 | |
| 58 | Buddhism in Vietnam: From Philanthropy to Buddhist Social Work | | 2017 | Shukutoku University 2nd International Academic Forum on Buddhist Social Work | Tác giả | ISBN 978-4-901404-26-1 | |
| **59** | ***Voluntary social insurance for Vietnamese laborers in the informal economic sector*** | | **2020** | **Asian Social Work and Policy Review/Volume 15, Issue 1/p.4-14** | **Đồng tác giả** | **ISSN 2287 -3287** | |
| **60** | ***Voluntary Social Insurance Policy Through the Evaluation of Workes in Tay Ho Distrisct, Hanoi City, Vietnam, 2021*** | | **2021** | [**http://cjssp.uni-corvinus.hu/index.php/cjssp/issue/view/36/showToc**](http://cjssp.uni-corvinus.hu/index.php/cjssp/issue/view/36/showToc) | **Đồng tác giả** | **ISSN 2311-2484** | |
| Báo cáo hội nghị, hội thảo | | | | | | | |
| 67 | “Vai trò của giáo dục văn hoá gia đình trong thời kỳ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và Hội nhập Quốc tế”. Hội thảo: Đào tạo ngành Gia đình học trong các trường Văn hoá nghệ thuật. Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch | | 2011  Hà Nội |  | Tác giả |  | |
| 68 | *“Can thiệp của cộng đồng để trẻ em khỏi bạo lực gia đình*”. Kỷ yếu HT khoa học “Chăm sóc sức khỏe những vấn đề XHH và CTXH” do Cục Bảo trợ và Trường ĐHKHXH&NV phối hợp tổ chức | | 2017 | NXB ĐHQGHN. ISBN: 978-604-62-7531-2 | Đồng tác giả |  | |
| 69 | Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo thực hành CTXH, Kỷ yếu HT Quốc gia : Chuyên nghiệp hóa các hoạt động thực hành CTXH, NXB KHXH, tháng 4/2021 | | 2021 | NXB KHXH, tháng 4/2021  ISBN: 978-604-308 -479-5 | Đồng tác giả |  | |
| 70 | “Buôn bán phụ nữ và trẻ em ở tiểu vùng Sông Mê Kông”. Hội thảo Quốc tế tại Thái Lan Trường Colege of Politics and Governance, Mahasarakham University. | | 2007  Thái Lan |  | Tác giả |  | |
| 71 | “Cultural factor in Social Work education development of an ASEAN country: Experience lessons from University of Social Sciences and Humanities, national University, Hanoi”,The 2nd International conference on “Social Work and Social Welfare Education”, Bangkok, Thailand, 30th November, 2012 Organized by Faculty of Social Work and Social Welfare, huachiew Chalermprakiet University, Social Work and Social Welfare Education Network, The Social Workers Association of Thailand | | 2012  Thái Lan |  | Đồng tác giả |  | |
| 72 | “Giới và công tác nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội”. Kỷ yếu toạ đàm khoa học quốc tế: Chính sách khoa học và giáo dục ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới | | 2004  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 73 | Tiêu chí về “Năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy đại học Quốc gia Hà Nội”. Kỷ yếu toạ đàm khoa học quốc tế: Chính sách nghiên cứu và đào tạo trong quá trình chuyển đổi ở Việt Nam. | | 2006  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 74 | “Những biểu hiện về phẩm chất đặc trưng thanh lịch của người Hà Nội hiện nay”. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3 | | 2008  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 75 | “Cơ hội và thách thức trong đào tạo đội ngũ giảng viên công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay”. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Phát triển nghề CTXH tại Việt Nam | | 2009  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 76 | “Nhận thức của thanh  niên, vị thành niên Hà Nội về các chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản”. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: 20 năm Khoa Xã hội học: Thành tựu và thách thức | | 2011  Hà Nội | NXB ĐHQG | Tác giả | ISBN: 978-604-62-0588-3 | |
| 77 | “Tổng quan về đào tạo Công tác xã hội ở Việt Nam”. Hội thảo Quốc tế “Công tác xã hội và chính sách xã hội” | | 2012  Hà Nội | NXB ĐHQG | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-62-0701-2 | |
| 78 | “Tổng quan về An sinh xã hội Việt Nam từ 2001-2011”. Hội thảo Quốc tế “Công tác xã hội và chính sách xã hội” | | 2012  Hà Nội | NXB ĐHQG | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-62-0701-2 | |
| 79 | “Thúc đẩy hiệu quả thực hành Công tác xã hội cho sinh viên theo hướng chuyên nghiệp hoá dựa vào cộng đồng”. Hội thảo Quốc tế “Công tác xã hội và chính sách xã hội” | | 2012  Hà Nội |  | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-62-0701-2 | |
| 80 | “Thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng (Nghiên cứu trường hợp xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)”. Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ IV: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững. Hanoi: 26-28/11 /2012. Viện KHXH Việt Nam, ĐHQGHN | | 2012  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 81 | “Tổng quan về đào tạo công tác xã hội ở Việt Nam “(Hội thảo quốc tế: Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về công tác xã hội và an sinh xã hội) do Bộ LĐ-TB&XH, Hội dạy nghề VN, Trường ĐHKHXH&NV đồng tổ chức | | 2012  Hà Nội | NXB ĐHQG | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-62-0701-2 | |
| 82 | “Những giá trị của ngành CTXH thể hiện trong các hoạt động nhân đạo của cơ sở phật giáo- một góc nhìn khái quát từ Việt nam và Nhật Bản”(Hội thảo quốc tế: Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về công tác xã hội và an sinh xã hội) do Bộ LĐ-TB&XH, Hội dạy nghề VN, Trường ĐHKHXH&NV đồng tổ chức | | 2012  Hà Nội |  | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-62-0701-2 | |
| 83 | “Mô hình thực hành dựa vào cộng đồng – Bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành của sinh viên CTXH”. Hội thảo quốc tế: Công tác xã hội trong quá trình hội nhập và phát triển của Việt Nam, do Bộ LĐ-TB&XH, Trường ĐHLĐXH tổ chức. | | 2013  Hà Nội | NXB Lao động – xã hội | Đồng tác giả | MS: 03-324/28-12 | |
| 84 | “Định hướng đào tạo CTXH trình độ đại học và sau đại học theo hướng chuyên ngành tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Nâng cao tính chuyên nghiệp CTXH vì phát triển và hội nhập (Enhancing professionalization of social work for development and integration), do Bộ LĐ-TB&XH, Hiệp hội dạy nghề và nghề CTXH VN, ĐHSPHN, Unicef, Usaid đồng tổ chức, | | 2013  Hà Nội | NXB ĐH Sư phạm, 2013 | Đồng tác giả | ISBN 978604540353-2 | |
| 85 | “Cultural Adaptation in the Multi-Cultural families based on Marriage between Korea men and Vietnamese women”. The International Academic conference of Korea and Vietnam: A Value-creative study on the multi-culture as a glocal life-world. | | 2013  Hà Nội |  | Đồng tác giả |  | |
| 86 | “Kinh nghiệm chăm sóc người cao tuổi tại Trung Quốc và Nhật Bản”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: CTXH Việt Nam thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển, Bộ LĐ-TB&XH, Trường ĐH Công đoàn, Unicef unite for children, The Atlantic Philanthropies đồng tổ chức. | | 2015  Hà Nội | NXB Lao động 11/2015, tr 311-321 | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-59-5001-2 | |
| 87 | “Chất lượng chăm sóc người cao tuổi tại trung tâm bảo trợ”, HT Quốc tế Nâng cao chất lượng đào tạo CTXH với chuyên nghiệp nghiệp hóa dịch vụ CTXH, | | 2016  TPHCM | NXB ĐHQG TP HCM, Quý I 2016, | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-73-3841-2 | |
| 88 | Một số vấn đề về thực hiện chính sách đối với người cao tuổi tại trung tâm bảo trợ, | | 2016  TPHCM | NXB ĐHQG TP HCM, Quý III 2016 | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-73-4461-1 | |
| 89 | Rào cản trong hòa nhập XH của người nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Đa Khoa, Hà Đông, Hà Nội, | | 2017  TPHCM | NXB ĐHQG TP HCM, Quý IV 2017. | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-73-5599-0 | |
| 90 | *Can thiệp của cộng đồng để bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực gia đình,* Kỷ yếu HT khoa học: Chăm sóc sức khỏe: những vấn đề xã hội học và công tác xã hội, do Cục Bảo trợ, Bộ LĐTB&XH và Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN đồng tổ chức, | | 2017 Hà Nội | NXB ĐHQGHN 2017 | PGS.TS. NTK Hoa và ThS. VM Phương | ISBN: 978-604- 62-7531-2 | |
| 91 | Biến đổi kinh tế hộ gia đình dân tộc Thái (Qua nghiên cứu tại xã Yên Khê, huyện Con Cuông và xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An), Kỷ yếu HT khoa học quốc tế Khu vực học, Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo, Viện Việt nam học và khoa học phát triển, | | 2020 Hà Nội | NXB ĐHQGHN, 2020 | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-9887-88-8 | |
| **Xác nhận của**  **cơ quan chủ quản** | | *………., ngày tháng năm*  **Người khai kí tên**  *(Ghi rõ chức danh, học vị)* | | | | |

PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa